

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu

- Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Yên Nho (Giai đoạn 2), phường Thuận Thành.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Toàn bộ phần xây lắp.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Thuận Thành.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày.
- Địa điểm xây dựng: Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

2. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu xây dựng:

2.1. Quy mô:

- Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, các tuyến đường trục chính và các tuyến nhánh với tổng chiều dài 2454,63 m.

2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

2.2.1. Tổng chiều dài các tuyến 2454,63m gồm 07 tuyến trong đó:

Cụm các tuyến chính: Đầu tư trải thảm mặt đường, hệ thống thoát nước dọc tuyến:

- Tuyến 1: Từ tạp hóa chị Biển – xóm Bổng đến trạm Bơm Yên Nho chiều dài khoảng 406,46m, mặt đường hiện trạng B=4,5-6,0m BTXM. Đầu tư trải thảm mặt đường, hệ thống thoát nước dọc tuyến.
 - + Đầu tuyến Tạp Hóa nhà Biển – xóm Bổng Km0+0,00.
 - + Cuối tuyến Trạm Bơm lý trình Km0+406,46.

+ Đoạn tuyến từ cọc Km0 (Km0+0,00) đến cọc 12 (Km0+195,03) Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng, cải tạo hệ thống thoát nước bên phải tuyến.

+ Đoạn tuyến từ cọc 12 (Km0+195,03) đến cọc 27 (Km0+406,46) Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng, cải tạo hệ thống thoát nước bên trái.

- Tuyến 2: Từ Trạm bơm – xóm Bồng qua khu Trại ngà, Xóm Ngà đến QL38 chiều dài khoảng 943,58m, mặt đường hiện trạng B=3,5-6,0m BTXM. Đầu tư trải thảm mặt đường, hệ thống thoát nước trên tuyến.

+ Điểm đầu tuyến: Trạm bơm Km0+0,00.

+ Điểm cuối tuyến: giao trục xã và QL38 (Km0+943.58).

+ Đoạn tuyến từ cọc Km0 (Km0+0,00) đến cọc 30 (Km0+540) Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm dải ATGT bằng gạch BTKN bên trái tuyến.

+ Đoạn tuyến từ cọc 30 (Km0+540) đến cọc D10 (Km0+787,78) Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B400 rãnh ngầm khu dân cư hiện trạng xóm Ngà hai bên tuyến;

+ Đoạn từ cọc D10 (Km0+787,78) đến cọc 50 (Km0+933,53) Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B400 rãnh ngầm khu dân cư hiện trạng xóm Ngà bên trái tuyến; bên phải vuốt nối khu đô thị mới.

Cụm tuyến phía Tây gồm các tuyến:

- Tuyến 3 (Xóm Trều): Từ ngã Ba xóm trều đi cánh đồng chiều dài khoảng 252,58m Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B400 rãnh ngầm; bề rộng mặt đường hiện trạng B=3,5-5,0m.

- Tuyến 4 (Xóm Trều): Từ ngã Ba xóm trều đi QL17 chiều dài khoảng 197,89m Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B500 rãnh ngầm; bề rộng mặt đường hiện trạng B=3,5-5,0m.

- Tuyến 4.1 (Xóm Trều – nhánh tuyến 4): dài khoảng 120,16m Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B400 rãnh ngầm phải tuyến; bề rộng mặt đường hiện trạng B=3,5-5,0m.

- Tuyến 5 (Từ đường trục làng đôi diện tuyến 1 đi TDP Ngọc Khám): dài khoảng 282,56m Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm dải ATGT bằng gạch BTKN bên trái tuyến phía kênh đất; bề rộng mặt đường hiện trạng B=3,5-5,0m.

- Tuyến 6 (Xóm Trều): Từ trường mầm non đi TDP Ngọc Khám chiều dài khoảng 253,40m Thảm BTNC trên nền BTXM hiện trạng; làm mới rãnh dọc B500 rãnh ngầm phải tuyến; bề rộng mặt đường hiện trạng B=3,5-10,0m.

2.2.2. Các yếu tố của mặt cắt ngang thiết kế:

- + Chiều rộng nền đường: $B_n = 3,5-5m$. (Riêng tuyến 6 $B_n=3,5-10m$).
- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 3,5-5,0$ (Riêng tuyến 6 $B_n=3,5-10m$).
- + Độ dốc ngang mặt đường: $I_n = 2\%$.
- + Độ dốc ngang lề đường: $I_{lề} = 4,0\%$.
- Kết cấu mặt đường gồm 02 loại kết cấu đường làm mới và phần kết cấu nâng cấp đường láng nhựa hiện trạng trong đó:
 - * Kết cấu thảm BTNC mặt đường làm mới/mở rộng mặt đường - KC1.
 - + Lớp BTNC C12.5 – HLN 4,6% chiều dày 7cm.
 - + Thảm bù vênh mặt đường bằng BTNC C12.5 - HLN 4,6% chiều dày trung bình 0-4cm.
 - + Vải địa kỹ thuật lưới sợi thủy tinh.
 - + Lớp dính bám, lượng nhựa 0,5kg/m².
 - + BTXM M250#, đá 2x4cm dày 20cm.
 - + Nilong chống mất nước.
 - + Nền đường đắp cát đen K95.
 - + Lề đường đắp đất tận dụng K90.
 - * Kết cấu thảm BTNC mặt đường cải tạo trên nền đường BTXM hiện trạng - KC2.
 - + Lớp BTNC C12.5 – HLN 4,6% chiều dày 7cm.
 - + Lớp dính bám, lượng nhựa 0,5kg/m².
 - + Thảm bù vênh mặt đường bằng BTNC C12.5 – HLN 4,6% chiều dày trung bình 4cm.
 - + Vải địa kỹ thuật lưới sợi thủy tinh.
 - + Lớp dính bám, lượng nhựa 0,5kg/m².

+ BTXM mặt đường hiện trạng.

2.2.3. Hệ thống thoát nước.

2.2.3.1. Hệ thống thoát nước B400mm – Làm mới:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực dân cư hiện trạng từ rãnh dọc B400 với kết cấu móng rãnh đệm cát đen dày 5cm, bê tông xi măng móng rãnh dày 15cm, thành rãnh xây gạch bê tông không nung, trát thành rãnh vữa xi măng M75# dày 1,0cm, tấm bê tông mặt rãnh M250#, đá 1x2cm dày 18cm thấp hơn cao độ mặt đường thiết kế 7cm; 10-12m bố trí tấm thu nước BTCT KT: 0,84x1,28x0,20m BTCT M250# mặt thu ghi thu nước Composite KT860x430.

2.2.3.2. Hệ thống thoát nước B400mm - Cải tạo:

+ Cải tạo thoát nước khu vực dân cư hiện trạng từ rãnh dọc B400 với kết cấu tấm bê tông mặt rãnh M250#, đá 1x2cm dày 18cm, thấp hơn cao độ mặt đường thiết kế 7cm; 10-12m bố trí tấm thu nước BTCT KT: 0,84x1,28x0,20m BTCT M250# mặt thu ghi thu nước Composite KT860x430 Tải trọng 25T.

+ Thay thế cổ ga, tấm đan hố ga hiện trạng bằng tấm sàn loại 1 – với kích thước 1,44x1,44x0,15m BTCT M250#, tấm nắp composite 850x850x75mm Tải trọng 25T.

2.2.3.3. Hệ thống thoát nước B500mm – Làm mới:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực dân cư hiện trạng từ rãnh dọc B500 với kết cấu móng rãnh đệm cát đen dày 5cm, bê tông xi măng móng rãnh dày 15cm, thành rãnh xây gạch bê tông không nung, trát thành rãnh vữa xi măng M75# dày 1,0cm, tấm bê tông mặt rãnh M250#, đá 1x2cm dày 18cm, thấp hơn cao độ mặt đường thiết kế 7cm; 10-12m bố trí tấm thu nước BTCT KT: 0,84x1,28x0,20m BTCT M250# mặt thu ghi thu nước Composite KT860x430.

2.2.3.4. Thay thế cổ ga hiện trạng BTXM:

Thay thế cổ ga, tấm đan hố ga hiện trạng bằng tấm sàn loại 1 – với kích thước 1,44x1,44x0,15m BTCT M250#, tấm nắp composite 850x850x75mm Tải trọng 25T.

2.2.3.5. Hố ga đầu nổi:

Hố ga xây gạch: Hố ga L1 kích thước 1,44x1,44m sàn loại 1; có kết cấu đáy bằng BTXM M200# trên đệm móng cát đen dày 5cm; thành ga xây gạch BTKN VXM M75# , trát thành rãnh vữa xi măng M75# dày 1,0cm, tấm sàn hố ga bê tông mặt rãnh M250#, đá 1x2cm dày 15cm, nắp ga Tấm nắp Composite KT850x850x75mm tải trọng 25T.

2.2.4. Cống tròn ngang đường:

Kết cấu cống ngang cống tròn D400mm: Cống tròn D400 –Tải trọng C (2m/1 cấu kiện) đặt trên đế cống D400mm bản 38cm (27cm) BTXM M200# trên lớp cát đen đệm móng dày 10cm.

2.2.5. Hệ thống Kè gạch xây bằng gạch BTKN.

- Tường chắn ATGT xây bằng gạch BTKN, sơn đỏ trắng.

- Dải ATGT Kích thước 1x0,22x0,5m, đặt tại mép rãnh, tường kè đảm bảo ATGT. Cứ 2m bố trí 01 cấu kiện. Kết cấu thân dải ATGT bằng gạch bê tông không nung M100#, xây VXM M75#, mặt ngoài trát VXM M75# dày 1,0cm được sơn 02 màu trắng và đỏ.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Tối đa 120 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

a) Tiêu chuẩn, quy phạm chung

- Nghị định 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, Thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng

b. Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật công tác chủ yếu:

Tên tiêu chuẩn	Tên mã tiêu chuẩn
1. Công tác trắc địa, định vị công trình	
Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
2. Công tác thi công đất	
Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012

Tên tiêu chuẩn	Tên mã tiêu chuẩn
3. Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép	
Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
Bê tông - yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
Kết cấu BTCT lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
4. Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
5. Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
6. Xi măng	
Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
7. Cốt liệu và nước trộn cho bê tông và vữa	
Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN XD 7570:2006
Cốt liệu cho bê tông và vữa - Các phương pháp thử	TCVN 7572:2006
Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
8. Bê tông	

Tên tiêu chuẩn	Tên mã tiêu chuẩn
Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
9. Cốt thép cho bê tông	
Thép cốt bê tông - Thép vằn	TCVN 1651-2:2018
Thép cốt bê tông - Lưới thép hàn	TCVN 1651-3:2018
10. Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
11. Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314 : 2003
12. Dàn giáo - Các yêu cầu về an toàn	TCXDVN 296:2004
13. Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377: 1,2,3 2012
14. An toàn cháy - Yêu cầu chung	TCVN 5279:1990
15. An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
16. Sơn bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
17. Kết cấu thép - Gia công lắp ráp và nghiệm thu yêu cầu kỹ thuật	TCXDVN 170:2007
18. Nghiệm thu thiết bị lắp đặt xong	TCVN 5639:1991
20. Hệ thống điện	TCVN 3624:1981 TCVN 7997:2009

Tên tiêu chuẩn	Tên mã tiêu chuẩn
	TCVN 9358:2012 TCXDVN 253:2001
21. Lắp đặt thiết bị	TCVN 4756-1989 TCVN 7997:2009 TCXDVN 263:2002
22. Nền đường, mặt đường bê tông nhựa	TCVN 9436 : 2012 TCVN 8859 : 2011 TCVN 8819 : 2011 TCVN 8791 : 2018
23. Hệ thống các tiêu tiêu chuẩn, qui phạm hiện hành có liên quan.	TCVN

Lưu ý: Trong mọi trường hợp nếu tiêu chuẩn kỹ thuật không tương ứng với nhau hoặc đã có tiêu chuẩn kỹ thuật mới thay thế, thì phiên bản mới nhất sẽ được áp dụng.

2. Yêu cầu chung:

Nhà thầu phải thi công, hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát. Bên B phải tuân thủ và làm đúng các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, bên B phải:

+ Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

+ Bằng mọi biện pháp hợp lý, bên B phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người ở công trường và khu vực lân cận.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày cấp giấy chứng nhận nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì bên B phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của bên B theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu bên A nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của bên B mà theo ý kiến của bên A người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì bên B không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

- Bên B phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng hay chết người, bên B phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, bên B phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Bên B chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

Nhà thầu phải bố trí sơ đồ tổ chức thi công công trường phù hợp yêu cầu của HSMT. Các biện pháp tổ chức thi công tổng thể, sơ đồ tổng mặt bằng thi công cho gói thầu hợp lý, khả thi.

Quá trình thi công, kiểm tra và nghiệm thu phải tuân thủ Nghị định 06/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Việc tuân thủ các quy phạm trong thiết kế phải được thực hiện nhất quán. Trong quá trình thực hiện thi công, yêu cầu nhà thầu phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế và cơ quan Quản lý chất lượng xây dựng cơ bản địa phương để đảm bảo công tác thi công và nghiệm thu công trình.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):

Vật liệu xây dựng và chất lượng sản phẩm phải đạt yêu cầu tốt nhất và phải thoả mãn các quy định theo yêu cầu của thiết kế, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn quy phạm. Trong trường hợp không có các quy định và tiêu chuẩn của Việt Nam thì phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn Quốc tế tương đương do Nhà thầu đề xuất và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, cơ quan thiết kế và Kỹ sư giám sát chất lượng.

Vật tư thiết bị đưa vào sử dụng trong công trình phải có xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các chứng chỉ thí nghiệm, các kết quả kiểm tra do một phòng thí nghiệm hợp chuẩn cung cấp.

Trừ khi có quy định khác, tất cả vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị và phụ kiện đưa vào sử dụng tuân thủ tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) phiên bản mới nhất áp dụng tại thời điểm dự thầu.

Trong trường hợp bộ tiêu chuẩn Việt Nam chưa quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng, theo chỉ định của thiết kế hoặc phê duyệt của Chủ đầu tư, thì áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài tương đương.

Các vật tư, thiết bị không liệt kê trong bảng này lấy theo quy định của thiết kế và tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy định kỹ thuật cần yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng.

4. Yêu cầu về trình tự thi công:

Nhà thầu phải thiết kế bản vẽ, lập biện pháp tổ chức thi công cho từng giai đoạn thi công hợp lý, khả thi, đảm bảo an toàn.

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, và an toàn lao động:

Nhà thầu phải đề xuất phương án trang bị bảo hộ lao động, phương pháp đảm bảo vệ sinh công nghiệp trong quá trình làm việc, đề xuất phương án bố trí hệ thống phòng chống cháy nổ, qui định nội qui phòng chống cháy nổ, giải pháp chống ồn chống bụi trong quá trình thi công.

Biện pháp tổ chức thi công phải đề cập chi tiết đến điều kiện công trình, đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận.

6. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải có biện pháp cụ thể huy động trang thiết bị máy móc thi công, phương án cung cấp vật tư vật liệu xây dựng, nhân lực và nhà xưởng thi công để hoàn thành gói thầu. Nhà thầu cũng cần nêu rõ những giải pháp dự phòng để huy động trang thiết bị máy móc thi công khi xảy ra sự cố hỏng hóc, mất điện...

7. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

a, Biện pháp tổ chức thi công.

Nhà thầu phải nộp Hồ sơ thiết kế tổ chức thi công trong HSDT gồm: Thuyết minh + bản vẽ và bảng sơ đồ tổ chức thi công cho các hạng mục công trình. Trong sơ đồ đó cần nêu rõ vị trí và chức năng của những người điều hành chủ chốt.

Biện pháp tổ chức thi công cần nêu rõ sự phối hợp giữa các đơn vị thi công và các đơn vị quản lý về nhân lực, tiến độ và chất lượng.

b, Biện pháp kỹ thuật thi công.

Nhà thầu phải nộp Hồ sơ thiết kế biện pháp kỹ thuật thi công gồm: thuyết minh về biện pháp thi công kèm với HSDT trong đó mô tả chi tiết biện pháp thi công được đề xuất để thi công công trình và nguồn nhân lực sử dụng để hoàn tất công trình đúng thời hạn.

Nhà thầu phải nêu rõ những biện pháp cụ thể tại hiện trường thi công của gói thầu sau khi đã nghiên cứu và khảo sát thực địa. Biện pháp thi công cần được lập sao cho đảm bảo việc thi công không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của BMT và môi trường xung quanh của khu vực thi công.

Nhà thầu phải nêu rõ những biện pháp cụ thể để triển khai thi công theo tiến độ bàn giao mặt bằng đã được BMT thông báo.

Nhà thầu phải phối hợp với các nhà thầu phụ (nếu có) trong các vấn đề theo đúng chỉ định của bản vẽ kỹ thuật.

Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường, kiểm tra, xác định toàn bộ các kích thước, cao độ và điều kiện làm việc trước khi thi công.

8. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Nhà thầu phải có hệ thống quản lý chất lượng nội bộ để đáp ứng chất lượng theo nghị định 06/NĐ- CP về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Các tiêu chuẩn áp dụng trong công tác quản lý chất lượng của nhà thầu phải phù hợp với quy định hiện hành

Nhà thầu phải đề ra các biện pháp bảo quản và đảm bảo chất lượng vật tư đưa vào công trình chặt chẽ, hợp lý với mặt bằng thi công

Nhà thầu phải đưa đề ra Quy trình kiểm tra chất lượng, các biện pháp kiểm tra chất lượng cụ thể cho từng loại vật tư và biện pháp quản lý chất lượng vật liệu tại hiện trường hợp lý

IV. Các bản vẽ: Theo E-HSMT.